

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT

Ngày 24-01-2019

V/v “*Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Lương và ông Nguyễn Anh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:* Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Tuyết Nh

Địa chỉ: Số M, đường N, phố Ph, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình Q, Luật sư Công ty luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: M, đường Ch, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Lã Văn Q

Địa chỉ: Số B, đường Tr, phố Ph, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lã Thị L

Địa chỉ: Số nhà T, đường V, phố C, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 12 năm 2018)

3. *Người kháng cáo:* Chị Vũ Thị Tuyết Nh là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Tuyết Nh trình bày:

Chị Nh và anh Lã Văn Q trước đây là vợ chồng, vì cuộc sống chung không hòa thuận nên đã ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 50/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2018 Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã công nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị Nh, giao cho anh Q trực tiếp nuôi hai con là cháu Lã Anh D sinh ngày 15/11/2000 và cháu Lã Vũ Mạnh C sinh năm 23/5/2010 cho đến khi cháu D, cháu C đủ 18 tuổi. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do để anh Q nuôi hai con là vì khi ly hôn chị Nh chưa thuê được nhà, chưa có chỗ ở ổn định.

Sau khi ly hôn anh Q vẫn công tác ở thành phố Tam Điệp, thiếu sự quan tâm và không trực tiếp chăm sóc các con, thường xuyên phải nhờ chị gái anh Q là chị Lã Thị L và người giúp việc chăm sóc. Cháu C hiện còn nhỏ, đang học cấp 1 nên cần có sự quan tâm chăm sóc, chỉ bảo của người mẹ. Từ khi ly hôn quyền đi lại thăm nom con của chị Nh bị hạn chế rất nhiều, chỉ khi chị Nh gửi đơn đến Tòa án, chị L mới gọi đến thăm cháu. Nay chị Nh đã có chỗ ở ổn định nên xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lã Vũ Mạnh C cho đến khi cháu trưởng thành, hàng tháng anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng. Đối với cháu Lã Anh D, hiện tại vẫn đang ở với bố, vì cháu sắp đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết, việc ở với bố hay ở với mẹ là do cháu D tự quyết định.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lã Văn Q và người đại diện theo ủy quyền là bà Lã Thị L trình bày: Việc anh Q và chị Nh ly hôn là do mâu thuẫn từ nhiều năm trước đây. Chị Nh bỏ mặc con cái nhiều năm không quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và không bảo đảm được việc học tập cho các con. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án giao cho anh Q nuôi hai con là do hai bên tự thỏa thuận không chịu sự ép buộc nào. Từ khi ly hôn đến nay hai cháu (D – C) ở với anh Q, gia đình bên nội thường xuyên quan tâm về ăn ở, học tập, sinh hoạt và giáo dục hai cháu; các cháu đã đi vào nền nếp học tập và ổn định cuộc sống, không có gì bất thường ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Q. Hiện tại sinh hoạt, học tập và cuộc sống của cháu C rất tốt, anh Q không muốn cuộc sống của các con bị xáo trộn cả về tâm lý, học tập, điều kiện sinh hoạt khác nên không nhất trí với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Nh. Đối với cháu Lã Anh D hiện đang ở với anh Q, cháu sắp đủ 18 tuổi, đã tự lập được nên việc ở với ai là do cháu lựa chọn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2018 cháu Lã Vũ Mạnh C trình bày: Hiện nay cháu đang ở với bố, bố cháu thường xuyên đi làm vắng nhà mọi việc ăn uống đều do bác giúp việc lo cho cháu. Thỉnh thoảng anh D có đưa cháu đến

gặp mẹ, mẹ cháu thì thường xuyên gọi điện hỏi thăm, quan tâm đến cháu. Cháu xin được ở với mẹ. Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu C do bà L giao nộp ngày 22/01/2019 thì cháu C lại có nguyện vọng muốn ở với bố.

Theo xác nhận của tổ dân phố nơi anh Q sinh sống: Anh Q là công dân gương mẫu, chấp hành mọi đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Có ý thức chăm lo, giáo dục các con ngoan, học tập tốt được nhân dân tin yêu, quý mến.

Theo xác nhận ngày 08/01/2019 của giáo viên chủ nhiệm lớp 3D Trường tiểu học Lê Hồng Phong, thành phố Ninh Bình nơi cháu C đang học tập xác nhận: Hiện tại, cháu C có sức khỏe tốt, đi học đầy đủ, có ý thức trách nhiệm trong học tập và sinh hoạt.

Tại Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình quyết định:

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Tuyết Nh về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh Lã Văn Q.

Anh Lã Văn Q được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lã Vũ Mạnh C, sinh ngày 23/5/2010 đến khi cháu C đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Chị Vũ Thị Tuyết Nh không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lã Vũ Mạnh C.

Chị Vũ Thị Tuyết Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Không ai được cản trở chị Nh thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị Tuyết Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị Nh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000755 ngày 29 tháng 5 năm 2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 chị Vũ Thị Tuyết Nh kháng cáo toàn bộ Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Nh, giao cháu Lã Vũ Mạnh C cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Lý do kháng cáo: Quyết định của bản án sơ thẩm không thấu tình đạt lý, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Nh. Ảnh

hưởng đến quyền được lựa chọn ở với ai nếu bố mẹ ly hôn của cháu C. Bản thân chị Nh có đủ các điều kiện trực tiếp nuôi con tốt hơn anh Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng Điều 108 của Bộ luật tố tụng dân sự trong đánh giá chứng cứ, tuyên án một chiều, chỉ dựa vào lời khai của bị đơn, không xem xét lời khai của nguyên đơn và ý kiến của cháu C, cháu D (cháu D và cháu C bàn nhau cháu D ở với bố còn cháu C ở với mẹ). Bản án sơ thẩm đã nhận định chị Nh không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bác đơn khởi kiện của chị Nh là vi phạm đạo đức xã hội, trái với công ước quốc tế. Theo quy định của khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, án sơ thẩm đã tước quyền của cháu C được ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 108, 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nh, giao cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lã Vũ Mạnh C.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Tuyết Nh; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Buộc chị Nh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vũ Thị Tuyết Nh là nguyên đơn nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Chị Nh nộp Đơn kháng cáo, biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 của chị Vũ Thị Tuyết Nh là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, ban hành và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là chị Vũ Thị Tuyết Nh:

Việc thỏa thuận giao cho anh Q trực tiếp nuôi hai con (Lã Anh D và Lã Vũ Mạnh C) là sự tự nguyện của anh Q và chị Nh, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy: Anh Lã Văn Q là Sĩ quan Công an nhân dân, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Chính quyền địa phương xác nhận: *Anh Q là công dân gương mẫu, chấp hành mọi đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Có ý thức chăm lo, giáo dục các con ngoan, học tập tốt được nhân dân tin yêu, quý mến.* Nhà trường nơi cháu C học tập xác nhận: *Hiện tại, cháu C có sức khỏe tốt, đi học đầy đủ, có ý thức trách nhiệm trong học tập và sinh hoạt.* Thực tế đã chứng minh từ khi ly hôn cho đến nay, anh Q đã thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C chu đáo, đảm bảo được lợi ích của con trẻ. Không có căn cứ để cho rằng anh Q đã cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nh.

Việc xem xét nguyện vọng của con khi thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Tuy nhiên trong vụ án này, cháu Lã Vũ Mạnh C mới trên 8 tuổi, khả năng nhận thức chưa đầy đủ nên nguyện vọng của cháu có sự thay đổi theo cảm tính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguyện vọng của cháu C và khả năng nuôi con của các bên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, giao cháu C cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng là tôn trọng sự thỏa thuận của anh Q và chị Nh, đã tạo điều kiện tốt nhất để cháu C ổn định cuộc sống và học tập.

Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy anh Lã Văn Q vẫn có đầy đủ các điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nh là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu và lý do kháng cáo của chị Nh không có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Tuyết Nh không được chấp nhận, nên chị Nh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Tuyết Nh phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0000952 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình; chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/01/2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND TP.Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP.Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND TP.Ninh Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP.Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

Nguyễn Tử Lượng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 75:

- (1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.
- (11) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp

pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...". Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.

(13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản

án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án đề gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

